

CHƯƠNG 5

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Phạm Quốc Khang

Trợ giảng Phạm Quốc Khang Hu

◆ ***TÀI LIỆU THAM KHẢO***

- ◆ Chương 8: Tổng quan về NHTM (Tr.316)

Trình Kinh Tế Hu

NỘI DUNG

1. Lịch sử phát triển của NHTM

2. Khái niệm NHTM

3. Các nghiệp vụ cơ bản của NHTM

4. Chức năng của NHTM

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA NHTM

Thời kỳ sơ khai:

✓ *Từ 3.500 đến 1.800 trước CN:*

- ◆ Tiền đúc bằng kim loại xuất hiện trong lưu thông
- ◆ Chiến tranh giữa các bộ tộc

→ Nảy sinh 2 nhu cầu:

- ◆ Làm thế nào để bảo vệ an toàn tiền bạc của mình?
- ◆ Làm sao chuyển đổi những đồng tiền bị hao mòn?

→ Nghề ngân hàng ra đời với những nghiệp vụ đơn giản: nhận bảo quản tiền, đổi tiền đúc...

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA NHTM

✓ Từ 1.800 trước CN đến TKỷ IV sau CN: Hoạt động ngân hàng đã tiến triển thêm một bước mới:

- ◆ Trong cùng một thời gian, có người đến rút tiền, nhưng cũng có người đến gửi tiền vào → xuất hiện lượng tiền nhàn rỗi → **cho vay**.
- ◆ Từ thế kỷ III trước CN, chính quyền La Mã cho phép những người hành nghề ngân hàng mở “tiệm” kinh doanh.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA NHTM

◆ Thời kỳ từ thế kỷ thứ V đến thế kỷ XVII

- ✓ Các ngân hàng biết cách sử dụng số hiệu tài khoản để ghi chép, theo dõi tiền gửi, tiền cho vay,...
- ✓ Các nghiệp vụ thanh toán bù trừ giữa các ngân hàng bắt đầu phát triển.
- ✓ *Đến cuối thế kỷ XVII, các nghiệp vụ của ngân hàng đã hoàn thiện, bao gồm: nhận tiền gửi, cho vay, phát hành tiền giấy có thể chuyển đổi ra vàng, chiết khấu thương phiếu, chuyển tiền, thanh toán bù trừ....*

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA NHTM

◆ Thời kỳ từ thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX

- ✓ Nhà nước bắt đầu can thiệp vào hoạt động ngân hàng.
- ✓ Hệ thống ngân hàng được chia thành 2 nhóm:
 - ◆ Các ngân hàng được phép phát hành tiền → Ngân hàng phát hành
 - ◆ Các ngân hàng không được phép phát hành tiền → Ngân hàng trung gian

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA NHTM

◆ Thời kỳ từ đầu thế kỷ XX đến nay:

- ✓ Nhà nước nắm lấy các ngân hàng phát hành để điều tiết các hoạt động kinh tế vĩ mô → ngân hàng trung ương thuộc sở hữu nhà nước.
- ✓ Hệ thống ngân hàng được cấu thành bởi 2 bộ phận:
 - ◆ Ngân hàng trung ương
 - ◆ Ngân hàng trung gian

KHÁI NIỆM NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

◆ Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng 2017 số 07/VBHN-VPQH:

"NHTM là một tổ chức tín dụng thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán."

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA NHTM TẠI VIỆT NAM

- ◆ NHTM ở Việt Nam mới chỉ có bề dày phát triển từ 05/1990, Chính phủ ban hành hai sắc lệnh : Sắc lệnh về NHNN Việt Nam và Sắc lệnh về ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và các công ty tài chính.
- ◆ Việt Nam từ hệ thống ngân hàng một cấp sang hệ thống 2 cấp.

Trình độ chính trị

CÁC NGHIỆP VỤ CƠ BẢN CỦA NHTM

- ◆ Bảng cân đối kế toán của NHTM
- ◆ Nghiệp vụ tạo lập vốn
- ◆ Nghiệp vụ sử dụng vốn
- ◆ Nghiệp vụ trung gian

Trình Kinh Hu

CÁC NGHIỆP VỤ CƠ BẢN CỦA NHTM

◆ Bảng cân đối kế toán dạng rút gọn của NHTM

TÀI SẢN	NGUỒN VỐN
+ Dự trữ: Dự trữ bắt buộc Dự trữ vượt mức	+ Tiền gửi giao dịch
+ Chứng khoán	+ Tiền gửi phi giao dịch
+ Các món cho vay	+ Các khoản tiền vay
+ Tài sản khác	+ Nguồn vốn chủ sở hữu của ngân hàng

TỔNG TÀI SẢN = TỔNG NGUỒN VỐN

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

- ◆ Đây là nghiệp vụ tạo ra nguồn vốn kinh doanh cho ngân hàng.
- ◆ Bao gồm:
 - ✓ Nguồn vốn tự có của ngân hàng
 - ✓ Nguồn vốn huy động
 - ✓ Nguồn vốn đi vay

Trình Cảnh Sát

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

◆ Nguồn vốn tự có của ngân hàng:

- ✓ Là nguồn vốn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn (thường dưới 10%) nhưng có vai trò quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng
- ✓ **Bao gồm:**
 - ◆ Vốn điều lệ: là số vốn hình thành ngay khi NHTM được thành lập. Vốn này được ghi rõ trong điều lệ hoạt động
 - ◆ Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận chưa phân phối...

Vai trò của nguồn vốn tự có



...

Trình độ Kinh tế Hu

Tỷ lệ cho vay tối đa

- ◆ Tổng dư nợ cho vay của TCTD đối với một khách hàng **không được vượt quá** **vốn tự có** của TCTD.
- ◆ Tổng dư nợ cho vay và số dư bảo lãnh của TCTD đối với một khách hàng không được vượt quá **vốn tự có** của TCTD.
- ◆ Tổng dư nợ cho vay của TCTD đối với một nhóm khách hàng có liên quan không được vượt quá **50%** **vốn tự có** của TCTD.
- ◆ Tổng dư nợ cho vay và số dư bảo lãnh của TCTD đối với một nhóm khách hàng có liên quan không được vượt quá **vốn tự có** của TCTD.

(Nguồn: Thông tư số 13/2010/TT-NHNN)

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

◆ Nguồn vốn huy động

- ✓ Đây là bộ phận nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu nhất trong cơ cấu nguồn vốn của NHTM
- ✓ Bao gồm:
 - ◆ Tiền gửi
 - ◆ Tiền gửi
 - ◆ Tiền gửi

Trình C Kinh Doanh

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

✓ Tiền gửi không kỳ hạn:

- ◆ Là loại tiền gửi mà người gửi tiền có thể rút ra bất cứ lúc nào (còn được gọi là tiền gửi thanh toán, tiền gửi có thể phát séc).
- ◆ Mục đích của người gửi tiền là đảm bảo an toàn cho khoản tiền, thực hiện các hoạt động thanh toán qua ngân hàng, không vì mục đích hưởng lãi.

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

✓ **Tiền gửi có kỳ hạn:**

- ◆ Là loại tiền gửi mà người gửi chỉ được rút ra sau một thời hạn nhất định (nếu rút trước hạn phải chịu mức phạt như chỉ được hưởng lãi suất không kỳ hạn hoặc thậm chí không được hưởng lãi)
- ◆ Được hưởng mức lãi suất cao hơn tiền gửi không kỳ hạn
- ◆ Mục đích của những người gửi tiền có kỳ hạn là để lấy lãi

Trình bày

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

- ✓ **Tiền gửi tiết kiệm:**
 - ◆ Là khoản tiền để dành của cá nhân gửi vào ngân hàng nhằm mục đích hưởng lãi theo định kỳ.
 - ◆ Ở Việt Nam tiền gửi tiết kiệm bao gồm tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn.
 - ◆ Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn khác với tiền gửi không kỳ hạn ở điểm là nó luôn được hưởng lãi nhưng đổi lại không được hưởng các dịch vụ thanh toán qua ngân hàng.

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

◆ Nguồn vốn đi vay

✓ Bao gồm:

- ◆ Vay từ NHTW
- ◆ Vay từ các NHTM và các trung gian tài chính khác
- ◆ Vay bằng cách phát hành các chứng từ có giá

Trợ giúp kinh tế Hu

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

✓ **Vay từ NHTW:**

- ◆ Đây là khoản vay nhằm giải quyết nhu cầu cấp bách trong chi trả của NHTM
- ◆ Hình thức cho vay chủ yếu là:
 - Chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác
 - Cho vay có đảm bảo bằng cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác
 - Cho vay lại theo hồ sơ tín dụng

Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn

- ✓ **Vay từ các tổ chức tín dụng khác:**
 - ◆ Mục đích chính của loại vay này là nhằm đảm bảo dự trữ bắt buộc theo quy định của NHSTW
 - ◆ Thời hạn của loại vay này rất ngắn, thường không quá 1 tuần
- ✓ **Vay bằng cách phát hành các chứng từ có giá:**
 - ◆ Phát hành trái phiếu ngân hàng
 - ◆ Phát hành các chứng chỉ tiền gửi có khả năng chuyển nhượng.

Nghiệp vụ sử dụng vốn

- ◆ Nghiệp vụ sử dụng vốn bao gồm các nghiệp vụ liên quan đến việc sử dụng các khoản vốn huy động được từ nghiệp vụ tạo lập vốn.
- ◆ Bao gồm:
 - ✓ Nghiệp vụ ngân quỹ
 - ✓ Nghiệp vụ cho vay
 - ✓ Nghiệp vụ đầu tư

Trình C Kinh T

Nghiệp vụ sử dụng vốn

✓ Nghiệp vụ ngân quỹ:

- ◆ Tiền mặt tại quỹ:
- ◆ Tiền gửi tại các NHTM khác:
- ◆ Tiền gửi tại NHTW: bao gồm tiền gửi DTBB và tiền gửi thanh toán để phục vụ các hoạt động thanh toán giữa các ngân hàng.

Trình Kinh Hu

Nghiệp vụ sử dụng vốn

✓ **Nghiệp vụ cho vay**

- ◆ Đây là nghiệp vụ tạo ra lợi nhuận chủ yếu cho các ngân hàng
- ◆ Rất đa dạng về hình thức:
 - Cho vay ứng trước (bao gồm cho vay thế chấp và cho vay tín chấp)
 - Cho vay theo hạn mức tín dụng
 - Cho vay thấu chi
 - Cho vay chiết khấu
 - Cho vay tiêu dùng....

Nghiệp vụ sử dụng vốn

- ✓ **Nghiệp vụ đầu tư:**
 - ◆ Đầu tư chứng khoán
 - ◆ Hùn vốn liên doanh

Trình độ Kinh tế Hu

Nghiệp vụ trung gian

- ◆ Ủy nhiệm chi
- ◆ Ủy nhiệm thu
- ◆ Ủy thác

Trụ sở Tổng Công ty Kinh tế Hu

CHỨC NĂNG CỦA NHTM

- ◆ Chức năng trung gian tín dụng
- ◆ Chức năng trung gian thanh toán
- ◆ Chức năng tạo tiền

Tr
ng
h
C
Kinh
t
Hu

Chức năng trung gian tín dụng

- ◆ Ngân hàng đóng vai trò là “cầu nối” giữa những người dư thừa về vốn và những người cần vốn.

Trình độ Kinh tế

Chức năng trung gian tín dụng

✓ **Lợi ích:**

- ◆ Đối với người gửi tiền:
- ◆ Đối với người đi vay:
- ◆ Đối với ngân hàng:
- ◆ Đối với nền kinh tế:

Trình độ Kinh tế Hu

Chức năng trung gian thanh toán

- ◆ Ngân hàng thực hiện thanh toán theo yêu cầu của khách hàng.

Ví dụ: trích tiền từ tài khoản của khách hàng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ cho họ.

- ❖ Ngân hàng đóng vai trò là "thủ quỹ" cho các doanh nghiệp và cá nhân.

Trình bày

Chức năng trung gian thanh toán

- ✓ **Lợi ích:**
 - ◆ Đối với khách hàng:
 - ◆ Đối với ngân hàng:
 - ◆ Đối với nền kinh tế:

Trình độ Kinh tế Hu

Chức năng tạo tiền

Tạo tiền gửi – Một ngân hàng

- ◆ Gia 'sư' NHTW mua 100 triệu chứng khoán trên OMO từ VCB. Sau khi NHTW mua 100 triệu chứng khoán, dự trữ của VCB tăng lên đúng 100 triệu.

NHTM VCB
(Đơn vị triệu đồng)

Tài sản		Nguồn vốn
Chứng khoán	-100	
Tiền dự trữ:	+ 100	

Chức năng tạo tiền

- ◆ Thông qua chức năng trung gian tín dụng và trung gian thanh toán, hệ thống các NHTM có khả năng tạo ra một bội số tiền gửi lớn gấp nhiều lần số tiền dự trữ mới được đưa vào hệ thống.

Trình C KINH DOANH

Chức năng tạo tiền

✓ **Ví dụ:** Giả sử có một khách hàng A đem 100 triệu đồng tiền mặt tới gửi vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn ở NHTM X.

→ Bảng cân đối của NHTM X như sau:

NHTM X			
<i>(Đơn vị triệu đồng)</i>			
Tài sản		Nguồn vốn	
Tiền dự trữ:	+100	Tiền gửi của KH:	+100

Chức năng tạo tiền

✓ **Giả sử:**

- ◆ Tỷ lệ dự trữ bắt buộc do NHTW quy định là 10% trên tổng số tiền gửi không kỳ hạn của các NHTM.
- ◆ Các ngân hàng không tiến hành dự trữ vượt mức mà cho vay hết số tiền có thể.
- ◆ Dân chúng không thích nắm giữ tiền mặt mà sẽ gửi hết vào ngân hàng.

Trình độ Kinh Doanh

Chức năng tạo tiền

- ✓ Như vậy, NHTM X sẽ tiến hành dự trữ bắt buộc theo quy định của NHTW là 10 triệu đồng, có thể cho vay ở mức tối đa là 90 triệu đồng.
- ✓ Giả sử NHTM X cho ông B vay hết 90 triệu, bảng cân đối của NHTM X sẽ là:

NHTM X
(Đơn vị triệu đồng)

Tài sản		Nguồn vốn	
Tiền dự trữ:	+ 10	Tiền gửi của KH:	+100
Tiền cho vay:	+ 90		

Chức năng tạo tiền

- ✓ Giả sử ông B sử dụng hết số tiền vay được để thanh toán cho ông C và ông này lại gửi hết số tiền đó vào NHTM Y. Bảng cân đối kế toán của NHTM Y như sau:

NHTM Y
(Đơn vị triệu đồng)

Tài sản		Nguồn vốn	
Tiền dự trữ:	+ 90	Tiền gửi của KH:	+ 90

Chức năng tạo tiền

- ✓ Với số tiền mới tăng thêm này, NHTM Y cũng chỉ cần dự trữ bắt buộc là 10%, phần còn lại được sử dụng hết để cho vay và qua đó, hình thành nên khoản tiền gửi mới ở NHTM Z. Bảng cân đối kế toán cuối cùng của NHTM Y như sau:

NHTM Y
(Đơn vị triệu đồng)

Tài sản		Nguồn vốn	
Tiền dự trữ:	+ 9	Tiền gửi của KH:	+ 90
Tiền cho vay:	+ 81		

Chức năng tạo tiền

- ✓ Bảng cân đối kế toán của NHTM Z là:

NHTM Z
(Đơn vị triệu đồng)

Tài sản

Tiền dự trữ:

+ 8,1

Tiền cho vay:

+ 72,9

Nguồn vốn

Tiền gửi của KH:

+ 81

Chức năng tạo tiền

Bảng tổng hợp: Việc tạo ra các khoản tiền gửi
(giả sử tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10% và có thêm 100 triệu đồng tiền gửi không kỳ hạn)

Các ngân hàng	Thay đổi các món tiền gửi	Thay đổi các món cho vay	Thay đổi các khoản tiền dự trữ
X	+ 100	+ 90	+ 10
Y	+ 90	+ 81	+ 9
Z	+ 81	+ 72,9	+ 8,1
.....
Tổng cộng cho tất cả các ngân hàng	+ 1000	+ 900	+ 100

Chức năng tạo tiền

- ✓ Quá trình tạo tiền sẽ diễn ra cho đến khi số tiền dự trữ của hệ thống ngân hàng đúng bằng với số tiền gửi ban đầu.
- ✓ Tổng lượng tiền gửi tăng thêm trong nền kinh tế:
 $\Delta MS = \Delta D = + 100 \text{ trđ} + 90 \text{ trđ} + 81 \text{ trđ} + \dots$

$$\Delta D = \frac{100 \text{ trđ}}{1 - 9/10} = \frac{1}{10} \times 100 \text{ trđ} = 1000 \text{ trđ}$$

$$\Delta D = \frac{1}{r_D} \times \Delta R$$

Chức năng tạo tiền

Vì các ngân hàng không duy trì dự trữ vượt mức, toàn bộ DTBB sẽ bằng tổng dự trữ của Hệ thống NH, $RR = R$.

$$\text{DTBB: } RR = r_D * D$$

Thay $RR = R$, ta có: $r_D * D = R$

$$D = \frac{1}{r_D} \times R$$

$$D + \Delta D = \frac{1}{r_D} \times R + \frac{1}{r_D} \Delta R$$

$$\Delta D = \frac{1}{r_D} \times \Delta R$$

Chức năng tạo tiền

- ✓ Hệ số mở rộng tiền gửi của hệ thống NHTM theo mô hình đơn giản trên được gọi là "***hệ số nhân tiền đơn***":

$$m = 1/r_D$$

- ✓ Hạn chế của mô hình đơn:
 - ◆ Các NHTM không bao giờ cho vay hết số tiền có thể cho vay mà thường dự trữ vượt mức một phần
 - ◆ Nếu một trong số những món cho vay được giữ lại trong lưu thông thì tổng số tiền gửi tăng thêm trong hệ thống sẽ nhỏ hơn mô hình đơn đã chỉ ra.

Chức năng tạo tiền

$$\Delta D = \frac{1}{r_D} \times \Delta R$$

Trong đó: + ΔD là tổng số tiền gửi tăng thêm trong hệ thống ngân hàng.

+ r_D là tỷ lệ dự trữ bắt buộc do NHTW quy định

+ ΔR là số dự trữ tăng thêm ban đầu.

Trình bày Kinh tế Hu

Chức năng tạo tiền

- ◆ **Tiền cơ sơ:** $MB = C + R = C + RR + ER$
- ◆ $r =$ tỷ lệ DTBB trên tiền gửi
- ◆ $c =$ tỷ lệ nắm giữ tiền mặt trên tiền gửi
- ◆ $e =$ tỷ lệ dư trữ vượt mức trên tiền gửi
- ◆ $MB = (C/D + RR/D + ER/D) * D = (r + c + e) * D$
- ◆ Gọi mức thay đổi của cung tiền là ΔM ; tiền gửi là ΔD ; và tiền cơ sơ là ΔMB

Tr
ng

Chức năng tạo tiền

- ✓ Mô hình số nhân tiền tệ đầy đủ (mở rộng):

$$m = \frac{C/D + 1}{C/D + r_D + ER/D}$$

Trong đó: + C/D là tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi có thể phát séc

+ r_D là tỷ lệ dự trữ bắt buộc

+ ER/D là tỷ lệ dự trữ quá mức mà ngân hàng giữ lại so với tiền gửi có thể phát séc

HẾT CHƯƠNG 5!

Trình độ Kinh tế Hu